

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DSST.

Ngày: 11- 3- 2021.

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các hội thẩm nhân dân :
1. Ông Nguyễn Lắm.
2. Bà Bùi Thị Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện T; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 428/2020/TLST - DS ngày 07/12/2020; về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 2 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố L, thị trấn L1, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1963;

Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: Tổ 2, khu phố L, thị trấn L1, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Đình P có mặt còn nguyên đơn bà Lê Thị L và bị đơn bà Hoàng Thị H vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/Theo đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn – bà Lê Thị L trình bày:*

Bà L và vợ chồng ông Nguyễn Đình P và bà Hoàng Thị H trước đây là hàng xóm láng giềng với nhau.

Ngày 22/6/2019, vợ chồng ông P, bà H có vay của bà L số tiền 100.000.000đồng. Tại thời điểm vay thì ông P và bà H có nói là vay tiền để đáo hạn ngân hàng nên có hứa trong vòng một tháng sẽ thanh toán nợ cho bà L. Hai bên cũng có thỏa thuận ông P, bà H phải trả lãi cho bà L theo mức lãi suất 3%/tháng. Tuy nhiên hết thời hạn vay thì ông P, bà H không trả nợ cho bà L mà hứa hẹn nhiều lần trả nợ nhưng cũng không thực hiện. Sau đó thì vợ chồng ông P, bà H có trả cho bà L được 9.000.000đồng tiền lãi. Bà L yêu cầu ông P, bà H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ này tính từ ngày 22/6/2019, bà L đồng ý khấu trừ số tiền lãi 9.000.000đồng bà L đã nhận.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà L đã nộp 01 “Giấy mượn tiền” đề ngày 22/6/2019 thể hiện người vay tiền là ông Nguyễn Đình P và bà Hoàng Thị H, số tiền vay 100.000.000đồng, có chữ ký người vay là Nguyễn Đình P và Hoàng Thị H.

**/Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Đình P trình bày:*

Ông P thừa nhận ngày 22/6/2019, vợ chồng ông P và bà H có vay của bà L 100.000.000đồng. Tại thời điểm vay hai bên có thỏa thuận với nhau thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất 3%/tháng. Mục đích vay số tiền này không phải để đáo hạn ngân hàng như bà L nói mà là để đầu tư làm ăn. Sau khi vay thì ông P, bà H đã trả cho bà L được 03 tháng tiền lãi tương ứng với số tiền là 9.000.000đồng. Thời gian sau đó do việc đầu tư làm ăn của ông P, bà H bị người khác lừa đảo chiếm đoạt hết tiền dẫn tới phải vay nợ nhiều người nên không tiếp tục trả lãi cho bà L được. Ông P và bà H cũng trực tiếp gặp bà L xin tiền lãi và xin bà L cho thời gian để thu xếp trả nợ nhưng bà L đã có hành vi dẫn người đến nhà ông P đòi nợ, gây rối làm ảnh hưởng đến công việc làm ăn, kinh doanh của gia đình ông P.

Hiện nay, ông P chấp nhận sẽ trả cho bà L số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng; đối với yêu cầu về việc trả lãi thì ông P không đồng ý trả vì cho rằng hiện tại gia đình ông P đang nợ nần nhiều người với số tiền lớn nên không có khả năng trả lãi cho bà L.

Ông P không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án.

**/ Trong biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Hoàng Thị H trình bày:*

Bà H thừa nhận trước đây có vay của bà Lê Thị L 100.000.000đồng để đầu tư vào hoạt động làm ăn cùng chồng là ông Nguyễn Đình P. Khi vay thì hai vợ chồng nhận tiền và ký giấy vay do bà L viết. Thời điểm vay thì giữa vợ chồng bà H và ông P có thỏa thuận thống nhất với nhau lãi suất phải trả hàng tháng là 3%. Ông P, bà H có trả lãi cho bà L được ba đến bốn tháng tiền lãi, mỗi tháng 3.000.000đồng sau đó thì do bị lừa đảo mất hết tiền đầu tư nên phải vay mượn nhiều người, không có khả năng trả lãi cho bà L. Từ đó bà L đã nhiều lần dẫn người tới gặp bà H, ông P đòi nợ, gây áp lực và đe dọa vợ chồng bà H.

Hiện nay bà H đồng ý trả số tiền nợ gốc 100.000.000đồng cho bà L. Về tiền lãi thì vợ chồng bà H không chấp nhận trả vì không có khả năng trả lãi.

Bà H không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án.

Những tình tiết mà các đương sự đã thống nhất với nhau: Ngày 22/6/2019, vợ chồng ông Nguyễn Đình P và bà Hoàng Thị H có vay của bà Lê Thị L 100.000.000đồng; ông P và bà H đã trả cho bà L được 9.000.000đồng tiền lãi.

Những tình tiết, các đương sự chưa thống nhất:

Về nghĩa vụ trả nợ:

+ Hiện nay bà L yêu cầu vợ chồng ông P, bà H phải trả số nợ gốc 100.000.000đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày vay đến nay theo quy định của pháp luật.

+ Bị đơn ông P, bà H chỉ chấp nhận trả nợ gốc, không chấp nhận trả tiền lãi vay.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, các Điều 146, 147, 203, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Đình P và bà Hoàng Thị H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị L số tiền 100.000.000 đồng tiền đã vay và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Đề nghị buộc vợ chồng ông Nguyễn Đình P và bà Hoàng Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước và hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày, nghe người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu ý kiến ở phần tranh luận; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị L và bị đơn bà Hoàng Thị H vắng mặt nhưng đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp trong vụ án:* Trong quá trình tố tụng nguyên đơn – bà Lê Thị L vẫn giữ yêu cầu buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Đình P và bà Hoàng Thị H phải trả số nợ vay 100.000.000đồng và tiền lãi phát sinh trên nợ vay; bị đơn xác nhận vay

tiền của nguyên đơn, chấp nhận trả tiền nợ gốc, không chấp nhận trả lãi và không có yêu cầu phản tố. Do đó HĐXX xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Lê Thị L:

- Về số tiền nợ gốc:

Trong đơn kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn - bà Lê Thị L vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, buộc vợ chồng ông Nguyễn Đình P và bà Hoàng Thị H phải trả cho bà L số tiền nợ vay là 100.000.000đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà L đã cung cấp một “Giấy mượn tiền” đề ngày 22/6/2019 có thể hiện nội dung ông P, bà H có vay của bà L số tiền 100.000.000đồng có chữ ký của ông Nguyễn Đình P và bà Hoàng Thị H.

Bị đơn ông P, bà H thừa nhận ngày 22/6/2019 có vay của bà L số tiền 100.000.000đồng để đầu tư làm ăn nhưng bị lừa đảo dẫn tới việc nợ nần nhiều người nên chưa trả nợ cho bà L được.

Xét thấy: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ông P, bà H có vay của bà L 100.000.000đồng nhưng đến nay chưa trả. Theo “Giấy mượn tiền” đề ngày 22/6/2019 mà bà L cung cấp thể hiện thời hạn vay là 01 tháng, tính đến nay đã quá thời hạn nhưng ông P và bà H chưa trả cho bà L nên cần buộc ông P, bà H phải trả cho bà L số nợ gốc 100.000.000đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

- Về tiền lãi:

Nguyên đơn – bà L yêu cầu ông P và bà H phải trả cho bà L tiền lãi phát sinh trên nợ vay tính từ ngày vay 22/6/2019 đến nay theo mức lãi suất do pháp luật quy định; bà L đồng ý khấu trừ 9.000.000đồng tiền lãi mà ông P, bà H đã trả cho bà L.

Bị đơn ông P, bà H thừa nhận khi vay tiền của bà L có thỏa thuận hàng tháng ông P, bà H phải trả lãi cho bà L theo mức lãi suất 3%/tháng và đã trả lãi được 3 tháng, tương ứng với số tiền 9.000.000đồng, sau đó vì bị lừa đảo hết số tiền đầu tư nên không có khả năng trả lãi cho bà L và hiện nay xin chỉ trả tiền gốc chứ không trả lãi.

Xét thấy: Căn cứ vào “Giấy mượn tiền” mà bà L đã cung cấp thì tại thời điểm vay giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận với nhau về mức lãi suất mà ông P, bà H phải trả cho bà L là 3%/tháng. Xét thấy mức lãi suất mà các đương sự thỏa thuận với nhau vượt quá mức lãi suất do pháp luật quy định. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự xác định lại mức lãi suất là 20%/năm, tương ứng với 1,67%/tháng. Do đó số tiền lãi mà ông P, bà H đã trả vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật sẽ được tính lại, số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất do pháp luật quy định sẽ được khấu trừ vào số tiền nợ gốc.

Theo quy định của pháp luật: Mỗi tháng ông P, bà H phải trả cho bà L số tiền lãi là: $100.000.000\text{đồng} \times 1,67\%/tháng = 1.670.000\text{đồng}$; 3 tháng lãi tương ứng với số tiền 5.010.000đồng. Trong khi đó ông P, bà H đã trả lãi 3 tháng là 9.000.000đồng. Số tiền lãi

đã trả vượt quá trong 3 tháng là 3.990.000đồng (9.000.000đồng – 5.010.000đồng). Số tiền 3.990.000đồng sẽ được trừ vào khoản nợ gốc 100.000.000đồng.

Tiền lãi của khoản vay này sẽ tiếp tục được tính từ ngày 22/9/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (11/3/2021) là 17 tháng 19 ngày trên số nợ gốc còn lại là 96.010.000đồng (100.000.000đồng – 3.990.000đồng); mức lãi suất được tính 1,67%/tháng. Theo đó tiền lãi được tính như sau:

$$96.010.000 \text{ đồng} \times 1,67\%/\text{tháng} \times 17 \text{ tháng} 19 \text{ ngày} = 28.272.000\text{đồng}.$$

Như vậy, từ sự phân tích và tính toán như trên thì Hội đồng xét xử xác định tổng số tiền nợ gốc và lãi mà ông Nguyễn Đình P và bà Hoàng Thị H còn nợ bà Lê Thị L là 124.282.000đồng (trong đó tiền nợ gốc là 96.010.000đồng, tiền nợ lãi là 28.272.000đồng). Cần buộc ông P, bà H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số nợ này là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên cần buộc ông Nguyễn Đình P và bà Hoàng Thị H phải liên đới chịu án phí DS/ST; trả lại tiền tạm ứng án phí DSST cho bà L là phù hợp với quy định tại các Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật TTDS;
- Các Điều 463, 466; 468 và khoản 2 Điều 357 BLDS 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Lê Thị L đối với ông Nguyễn Đình P và bà Hoàng Thị H về việc trả nợ vay và tiền lãi phát sinh từ các giao dịch dân sự vay tài sản xác lập bằng “Giấy mượn tiền” đề ngày 22/6/2019.

Buộc ông Nguyễn Đình P và bà Hoàng Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị L số tiền nợ vay là 124.282.000 đồng (trong đó 96.010.000đồng tiền nợ gốc và 28.272.000 đồng tiền nợ lãi). Chia phần ông Nguyễn Đình P và bà Hoàng Thị H mỗi người phải trả cho bà Lê Thị L số tiền nợ vay là 62.141.000đồng (Sáu mươi hai triệu một trăm bốn mươi một ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa

thuận được về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Đình P và bà Hoàng Thị H phải liên đới nộp 6.214.000đồng (Sáu triệu hai trăm mười bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách nhà nước.

- Trả lại cho bà Lê Thị L số tiền 2.500.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N. 0004447, ngày 07/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T.

Án xử sơ thẩm. Bị đơn ông Nguyễn Đình P có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án **11/3/2021**. Nguyên đơn bà Lê Thị L và bị đơn bà Hoàng Thị H vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Các đương sự.....;
- Chi cục Thi hành án DS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Mận